

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	CMND	Điểm		Phòng thi
1	028	NGUYỄN THỊ BẢO NGÂN	08/05/2001	331933365	NKGDMN	7	001
2	032	LUU LÊ HUỖNH NHƯ	16/05/2001	331905275	NKGDMN	7	001
3	268	NGUYỄN THỊ SƠN CA	02/01/2002	352657133	NK GDMN	9.25	001
4	269	TRẦN LÝ THANH NGÂN	17/07/2002	342127477	NKGDMN	7.75	001
5	270	LÂM NGUYỄN BẢO NGHI	29/03/2002	342062700	NK GDMN	8	001
6	271	LÊ THỊ THÚY NGỌC	24/08/2002	342131108	NKGDMN	6	001
7	272	ĐOÀN YẾN NHI	18/08/2002	342080456	NK GDMN	Vắng	001
8	273	VÕ THỊ YẾN NHI	19/07/2002	342077431	NK GDMN	8.5	001
9	274	TRƯƠNG NGUYỄN HUỖNH NHƯ	09/09/2002	342155705	NKGDMN	8.5	001
10	275	NGUYỄN THỊ NGỌC QUÍ	09/06/2002	342013654	NK GDMN	Vắng	001
11	276	NGUYỄN KIM THOA	22/08/2002	342058345	NK GDMN	8	001
12	277	NGUYỄN THỊ CẨM THU	10/03/2001	352540110	NK GDMN	9	001
13	278	TRƯƠNG THỊ MỸ TIỀN	21/07/2002	342116996	NK GDMN	7	001
14	279	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	13/04/2002	312504298	NK GDMN	7	001
15	280	PHAN THỊ CẨM TÚ	03/11/2002	321784215	NK GDMN	9.25	001
16	281	NGUYỄN THỊ YẾN VI	09/10/2002	342103939	NKGDMN	8.25	001
17	282	TRẦN PHẠM TƯỜNG VY	09/12/1997	341852917	NKGDMN	Vắng	001
18	341	LÊ THỊ NGỌC THÊM	24/03/2002	342090213	NK GDMN	8	001
19	342	TÔ NGỌC TUYỀN	15/09/2002	342103117	NKGDMN	8.25	001
20	343	LÊ THỊ MỸ QUYÊN	16/06/2002	331906109	NKGDMN	8.75	001
21	344	HỒ THỊ THÙY LINH	20/11/2002	341978837	NKGDMN	8	001
22	0017	PHẠM THỊ HUỆ	12/08/2002	371977485	NKGDMN	9.5	001_
23	0057	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG VY	05/12/2002	352697833	NK GDMN	8.75	001_
24	297	PHAN THỊ DIỄM QUỲNH	26/06/2002	352640603	NK GDMN	7.5	002

Danh sách này có 24 thí sinh *ndta*



Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	CMND	Điểm		Phòng thi
1	283	TRẦN ĐẶNG TRÂM ANH	27/10/2002	321729569	NK GDMN	6.5	001
2	284	NGUYỄN THỊ KIM CƯỜNG	14/07/2002	301761933	NK GDMN	9.5	001
3	285	LÊ NGUYỄN HOÀNG DIỆU	16/02/2002	342107501	NK GDMN	7.5	001
4	286	PHẠM LÊ HOÀNG HẢO	16/12/2002	331949310	NK GDMN	Vắng	001
5	287	VÕ ÁNH HUYỀN	01/12/2002	372039531	NK GDMN	8	001
6	288	ĐINH THỊ DIỄM KHANH	27/10/2002	342003927	NK GDMN	7.5	001
7	289	NGUYỄN THỊ TRANG KIỀU	14/11/2002	372021490	NK GDMN	8.25	001
8	290	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	24/12/2002	342126504	NK GDMN	8.5	001
9	291	NGUYỄN THỊ KIM NGHI	03/05/2002	301793091	NK GDMN	Vắng	002
10	292	ĐOÀN KIỀU NHƯ NGỌC	08/03/2002	342081435	NK GDMN	9.75	002
11	293	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC	23/03/2002	342041561	NK GDMN	Vắng	002
12	294	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	23/02/2002	342086838	NK GDMN	9	002
13	295	LÊ THỊ YẾN NHI	16/08/2002	321843291	NK GDMN	6.75	002
14	296	TRẦN PHƯỚC QUYÊN	20/12/2002	342116284	NK GDMN	9.25	002
15	298	PHAN ĐOÀN UYÊN THẢO	01/05/2002	321832069	NK GDMN	7.75	002
16	299	TRƯƠNG THỊ THANH THẢO	23/09/2002	321749020	NK GDMN	7.75	002
17	300	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHI	11/09/2002	342033577	NK GDMN	7.5	002
18	301	ĐỖ THỊ THI THƠ	29/05/2002	342076169	NK GDMN	7.25	002
19	302	HUỖNH THỊ NGỌC THÚY	21/12/2002	331919925	NK GDMN	9.25	002
20	303	HUỖNH NGỌC BẢO TRÂM	20/01/2002	331949102	NK GDMN	9	002
21	304	LÊ THỊ HUYỀN TRÂN	03/07/2002	342115460	NK GDMN	Vắng	002
22	305	PHẠM THỊ NGỌC TRÂN	14/02/2002	342080047	NK GDMN	9	002
23	306	VÕ THỊ THU TRINH	12/04/2002	342141752	NK GDMN	Vắng	002
24	307	NGUYỄN THỊ TƯỞI	18/10/2002	312505047	NK GDMN	7	002
25	308	TRỊNH THỊ YẾN TUYẾT	27/12/2002	321841405	NK GDMN	Vắng	002
26	309	CAO THÚY VY	21/03/2002	321747338	NK GDMN	Vắng	002
27	310	ĐẶNG THỊ TƯỜNG VY	20/10/2002	342123490	NK GDMN	8.5	002
28	311	BÙI THỊ KIM XUYẾN	01/02/2002	342043568	NK GDMN	7	002
29	312	TRẦN THỊ NHƯ Ý	21/02/2002	342034759	NK GDMN	8.75	002
30	313	PHẠM THỊ KIM YẾN	02/07/2002	342067918	NK GDMN	8.75	002
31	348	TRẦN THỊ YẾN LINH	14/08/2002	321830668	NK GDMN	8	002_

Danh sách này có 31 thí sinh *quả*



Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	CMND	Điểm		Phòng thi
1	314	LỘC QUỐC CUỒNG	21/11/2002	342096747	NK GDTC	9.1	003
2	315	HUỖNH TÚ DUY	05/12/1999	321722960	NK GDTC	9	003
3	316	PHAN TẤN HẬU	10/06/2002	342048567	NK GDTC	9.25	003
4	317	TRẦN ĐỨC HUY	14/03/2002	342093695	NK GDTC	Vắng	003
5	318	CÙ MINH KHOA	17/03/2002	321843269	NK GDTC	8.25	003
6	319	BÙI TUẤN KIỆT	19/11/2002	352596593	NK GDTC	9	003
7	320	NGUYỄN HỮU PHÚC	26/06/1998	341952173	NK GDTC	9	003
8	321	NGUYỄN NHẬT TÂN	22/07/2002	341996433	NK GDTC	9	003
9	322	NGUYỄN THÀNH THÁI	16/12/2000	341969350	NK GDTC	Vắng	003
10	323	PHẠM THÁI THANH THẢO	11/08/2002	331921453	NK GDTC	9	003
11	324	NGUYỄN HỮU TRÍ	02/11/2002	342079233	NK GDTC	9.1	003
12	325	NGUYỄN TRẦN THANH TÚ	19/12/2002	331921567	NK GDTC	9.5	003
13	326	NGUYỄN QUỐC VINH	12/03/2002	385832469	NK GDTC	8.6	003
14	345	TRẦN HẢO TÂN	24/01/2000	341965097	Sinh học	8.25	003
15	346	NGUYỄN NHƯ THUẬT	09/07/2002	321793295	NK GDTC	8.6	003

Danh sách này có 15 thí sinh *Như*



Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	CMND	Điểm				P_thi
1	327	NGUYỄN HOÀNG NAM	19/09/2002	342043942	Hát	8.5	Thẩm âm - Tiết tấu	8.5	004
2	328	TRẦN LÝ THANH NGÂN	17/07/2002	342127477	Hát	4	Thẩm âm - Tiết tấu	5	004
3	329	VÕ THỊ GIA NGHI	27/09/2002	342122810	Hát	7.5	Thẩm âm - Tiết tấu	6.5	004
4	330	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	04/07/2002	342094380	Hát	8	Thẩm âm - Tiết tấu	8.5	004
5	331	LÊ MINH THI	27/07/2002	352633396	Hát	8	Thẩm âm - Tiết tấu	8.5	004
6	332	VÕ THỊ CẨM THU	01/03/2002	352635085	Hát	Vắng	Thẩm âm - Tiết tấu	Vắng	004
7	333	TRẦN MINH TOÀN	19/11/2000	072200007909	Hát	8.5	Thẩm âm - Tiết tấu	9	004
8	334	NGUYỄN LÊ HUYỀN TRÂN	10/02/2002	334980568	Hát	8	Thẩm âm - Tiết tấu	6.5	004
9	335	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRÂN	07/10/2001	371990109	Hát	8.5	Thẩm âm - Tiết tấu	9	004
10	336	HUỲNH THỊ THẢO XUYỀN	12/11/2002	354201136	Hát	3.5	Thẩm âm - Tiết tấu	3	004
11	347	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	07/07/2000	371953448	Hát	5.5	Thẩm âm - Tiết tấu	6.5	004

Danh sách này có 11 thí sinh *ntlu*



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KỶ THI TUYỂN SINH ĐH, CĐ GDMN NĂM 2020

ĐIỂM THI NĂNG KHIẾU ĐỢT 2
NGÀNH: SƯ PHẠM MỸ THUẬT (ĐH)

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	CMND	Điểm				P_thi
1	337	NGUYỄN THỊ NGỌC EM	04/01/2002	342125776	Trang trí	Vắng	Hình họa	Vắng	005
2	338	NGUYỄN MỸ HÂN	28/01/2002	331870591	Trang trí	7.5	Hình họa	8.5	005
3	339	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	25/10/2002	364204027	Trang trí	8	Hình họa	8	005
4	340	VÕ THANH PHONG	25/12/1998	321711631	Trang trí	9	Hình họa	9	005

Danh sách này có 4 thí sinh. *nghe*